

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 8 – 2023
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Đào Văn Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lâm Thanh M, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2023 nguyên đơn bà Lê Thị Bích T trình bày: Bà và ông Lâm Thanh M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, tính tình không còn phù hợp, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Bà và ông M đã sống ly thân

với nhau hơn 01 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Thanh M.

Về con chung: Bà và ông M có hai người con chung tên Lâm Hoài Th, sinh ngày 23/11/2009 và Lâm Thanh Th1, sinh ngày 29/8/2015, hiện đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn, tùy theo nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lâm Thanh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông M vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Bà T có mặt vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Bích T khởi kiện xin ly hôn với Lâm Thanh M, địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông Lâm Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên ông M vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông M tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Bích T và ông Lâm Thanh M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau vào ngày 02/7/2009, do đó hôn nhân giữa bà T và ông M là hợp pháp. Bà T trình bày trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, đã được gia đình hai bên hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay ông bà đã sống ly thân với nhau. Ông M đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc bà T yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến phản hồi. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông M là thực tế có xảy ra. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử bà T và ông M vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn cương quyết xin ly hôn với ông M. Xét thấy, hôn nhân của bà T và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Bích T đối với ông Lâm Thanh M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông M có hai người con chung tên Lâm Hoài Th, sinh ngày 23/11/2009 và Lâm Thanh Th1, sinh ngày 29/8/2015, hiện đang sống cùng bà T. Sau khi ly hôn, bà T xác định con có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông M đã được Toà án thông báo về yêu cầu nuôi con của bà T tuy nhiên ông không có ý kiến phản hồi. Mặt khác, tại Đơn nguyện vọng ngày 19/7/2023 cháu Lâm Hoài Th có nguyện vọng được sống cùng với ông M, cháu Lâm Thanh Th1 có nguyện vọng được sống với bà T. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt và theo nguyện vọng của cháu Hoài Thương và Thanh Th1 nên cần giao Lâm Hoài Th cho ông M nuôi dưỡng, giao Lâm Thanh Th1 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà T, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[2.3] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng. Bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020493 ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Bích T, bà Lê Thị Bích T được ly hôn với ông Lâm Thanh M.

Về con chung: Giao người con chung tên Lâm Hoài Th, sinh ngày 23/11/2009 cho ông Lâm Thanh M nuôi dưỡng, giao Lâm Thanh Th1, sinh ngày

29/8/2015 cho bà Lê Thị Bích T nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu xem xét.

Bà T, ông M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của nhau.

Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng. Bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0020493 ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Dung